

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017



Tháng 03 năm 2018

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 33

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Nam (Sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị:

Ông Nguyễn Hùng Cường	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	
Bà Bùi Thị Yến	Thành viên	từ ngày 19/09/2017
Bà Đỗ Thị Phương	Thành viên	từ ngày 19/09/2017
Ông Phan Kim Thế Vũ	Thành viên	từ ngày 28/06/2017
Bà Hà Thị Hải Vân	Thành viên	từ ngày 28/06/2017
Bà Đỗ Thị Thanh Hương	Thành viên	đến ngày 19/09/2017
Bà Trần Thị Thúy Liễu	Thành viên	từ 28/06/2017 đến 03/08/2017
Ông Trịnh Văn Đại	Thành viên	đến ngày 28/06/2017
Ông Nguyễn Văn Mạnh	Thành viên	đến ngày 28/06/2017
Bà Vũ Thị Thu Hương	Thành viên	đến ngày 28/06/2017

Ban Giám đốc điều hành:

Ông Nguyễn Hùng Cường	Tổng Giám đốc	từ ngày 19/09/2017
Bà Đỗ Thị Thanh Hương	Tổng Giám đốc	từ 20/02/2017 đến 19/09/2017
	Phó Tổng Giám đốc	đến ngày 20/02/2017
Bà Vũ Thị Thu Hương	Tổng Giám đốc	đến ngày 20/02/2017
Ông Hoàng Hải	Phó Tổng Giám đốc	đến ngày 29/08/2017

Kế toán trưởng:

Bà Hà Thị Hải Vân	Kế toán trưởng	từ ngày 27/11/2017
Bà Nguyễn Thị Thúy Anh	Kế toán trưởng	từ 29/08/2017 đến 27/11/2017
Bà Nguyễn Phương Nga	Kế toán trưởng	từ 03/08/2017 đến 29/08/2017
Bà Trần Thị Thúy Liễu	Kế toán trưởng	từ 09/06/2017 đến 03/08/2017
Bà Hà Thị Hải Vân	Kế toán trưởng	đến ngày 09/06/2017

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng: ngoài sự kiện được trình bày tại Thuyết minh số 30 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán, có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Hùng Cường
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2018

Số: 184 /2018/UHY - BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 28/03/2018 trình bày từ trang 06 đến trang 33, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Nam tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Phạm Gia Đạt
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán số
0798-2018-112-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2018

Nguyễn Văn Hải
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán số
1395-2018-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		367.540.620.483
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	23.232.610.402
Tiền	111		6.736.210.402
Các khoản tương đương tiền	112		16.496.400.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		159.646.487.417
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	132.122.917.373
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		7.351.480.381
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	6	17.355.084.639
Các khoản phải thu khác	136	6	2.817.005.024
Hàng tồn kho	140	7	182.979.785.151
Hàng tồn kho	141		182.979.785.151
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.681.737.513
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		413.948.116
Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.267.789.397
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		166.370.800.912
Các khoản phải thu dài hạn	210		-
Tài sản cố định	220		5.852.342.296
Tài sản cố định hữu hình	221	8	5.811.233.971
- Nguyên giá	222		17.255.193.844
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(11.443.959.873)
Tài sản cố định vô hình	227	9	41.108.325
- Nguyên giá	228		347.020.440
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(305.912.115)
Bất động sản đầu tư	230	10	152.925.000.000
- Nguyên giá	231		152.925.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-
Tài sản dở dang dài hạn	240		1.593.458.616
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	1.593.458.616
Đầu tư tài chính dài hạn	250	12	6.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		6.000.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		533.911.421.395

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		290.941.650.065
Nợ ngắn hạn	310		288.929.436.950
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	53.274.477.060
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.853.987.758
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	6.907.574.825
Phải trả người lao động	314		447.242.083
Phải trả ngắn hạn khác	319	14	6.602.643.747
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16	217.450.083.546
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.393.427.931
Nợ dài hạn	330		2.012.213.115
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	16	2.012.213.115
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		242.969.771.330
Vốn chủ sở hữu	410	17	242.969.771.330
Vốn góp của chủ sở hữu	411		210.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		210.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		4.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		1.393.427.931
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		27.576.343.399
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		9.754.947.546
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		17.821.395.853
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		533.911.421.395

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2018



Tổng Giám đốc
 Nguyễn Hùng Cường

Kế toán trưởng

Hà Thị Hải Vân

Người lập biểu

Nguyễn Thị Nghĩa

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	1.047.390.647.124
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		2.346.535.058
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.045.044.112.066
Giá vốn hàng bán	11	19	999.348.003.418
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		45.696.108.648
Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	8.517.867.926
Chi phí tài chính	22	21	18.251.866.001
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		18.027.252.792
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-
Chi phí bán hàng	25	22	965.299.640
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	9.966.964.574
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		25.029.846.359
Thu nhập khác	31	23	717.120.647
Chi phí khác	32	24	2.662.344.410
Lợi nhuận khác	40		(1.945.223.763)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		23.084.622.596
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		5.263.226.743
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		17.821.395.853
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		17.821.395.853
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	849
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	26	808

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2018



Tổng Giám đốc

Nguyễn Hùng Cường

Kế toán trưởng

Hà Thị Hải Vân

Người lập biểu

Nguyễn Thị Nghĩa

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		23.084.622.596
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		1.393.061.487
Lãi, lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		9.580.138
Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	05		(7.896.645.803)
Chi phí lãi vay	06		18.027.252.792
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		34.617.871.210
Tăng giảm các khoản phải thu	09		(27.260.730.591)
Tăng giảm hàng tồn kho	10		(47.189.616.782)
Tăng giảm các khoản phải trả	11		(30.141.692.955)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(350.278.913)
Tiền lãi vay đã trả	14		(18.027.252.792)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(6.358.486.572)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		994.215.365
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		(93.715.972.030)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(3.597.262.728)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(35.396.590.262)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		122.679.685.783
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7.700.729.763
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		91.386.562.556
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ đi vay	33		555.113.350.119
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(529.551.358.700)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		25.561.991.419
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	50		23.232.581.945
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		28.457
<i>Tiền và tương đương tiền cuối năm</i>	70	4	23.232.610.402

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2018



Tổng Giám đốc
 Nguyễn Hùng Cường

Kế toán trưởng
 Hà Thị Hải Vân

Người lập biểu
 Nguyễn Thị Nghĩa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được chuyển đổi từ Công ty TNHH Xuất Nhập khẩu Thành Nam. Hiện tại Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0101515686 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội thay đổi lần 13 ngày 27/03/2018. Vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là 525.000.000.000 đồng, chia thành 52.500.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại Tầng 3, tòa nhà FLC Land Mark Tower, Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Nguyễn Hùng Cường.

1.2 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị vật tư trong lĩnh vực công nghiệp, cơ kim khí và xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản: Khai thác cho thuê kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Vận tải hành khách theo hợp đồng;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Vận tải hàng hóa; dịch vụ vận tải hàng hóa;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp giao thông;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Bán buôn ô tô xe máy;
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Môi giới thương mại, đại lý mua bán ký gửi hàng hóa;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Dịch vụ khách sạn (không bao gồm kinh doanh quán bar);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Dịch vụ nhà hàng ăn uống (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Sản xuất máy thông dụng khác. Chi tiết: Sản xuất máy móc, thiết bị vật tư trong lĩnh vực công nghiệp, cơ kim khí và xây dựng;
- Bốc xếp hàng hóa. Chi tiết: Bốc xếp;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Bán buôn các loại sắt thép;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất gia công các loại sản phẩm cơ khí;

Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

1.3 CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY

Công ty có 01 Công ty con như sau:

	Công ty	Vốn điều lệ (VND)	Tỷ lệ sở hữu tại 31/12/2017 (%)	Trụ sở
1	Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu nông sản Đông Xuân	10.000.000.000	100%	Thôn Đồng Âm, xã Đông Xuân, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ KỶ KẾ TOÁN

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Bộ Tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty Mẹ và Công ty con. Các giao dịch nội bộ và số dư nội bộ đã được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

2.2 KỶ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

3.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định trong thời gian không quá 03 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ và dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư sửa đổi bổ sung số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

3.5 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ, nếu có. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà xưởng, vật kiến trúc	15
Máy móc, thiết bị	03 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06
Phương tiện vận tải	05 - 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3.7 CHI PHÍ XÂY DỰNG DỒ DANG

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.8 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận và phản ánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm tài chính:

- Đối với các chứng khoán kinh doanh: Dự phòng được ghi nhận khi giá chứng khoán trên thị trường giảm thấp hơn giá trị ghi sổ của các chứng khoán;
- Đối với khoản đầu tư dài hạn khác: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.

3.9 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua; đồng thời đơn vị có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng. Thời điểm ghi nhận doanh thu thông thường trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa, dịch vụ, phát hành hóa đơn cho người mua và người mua chấp nhận thanh toán.

Doanh thu bán hàng xuất khẩu được ghi nhận khi Công ty hoàn thành thủ tục hải quan về kê khai xuất khẩu hàng hóa và hàng thực xuất khỏi cảng Việt Nam.

Doanh thu hoạt động tài chính là lợi nhuận được chia hàng năm (nếu có) từ các Doanh nghiệp mà Công ty tham gia góp vốn, lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi ngân hàng và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

Giá vốn hàng hóa và dịch vụ khác được xác định trên cơ sở nguyên tắc phù hợp với doanh thu thực hiện trong kỳ kế toán.

3.10 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3.11 THUẾ

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực được áp dụng là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.12 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả phải nộp khác và các khoản vay ngắn hạn, dài hạn.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3.13 BÊN LIÊN QUAN

Một bên được coi là Bên liên quan của Công ty nếu có khả năng kiểm soát được hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty trong việc ra quyết định về tài chính và hoạt động kinh doanh. Một bên có khả năng kiểm soát đối với Công ty khi nắm giữ vai trò đáng kể trong quyền biểu quyết và quyền quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty. Ngoài ra, quan hệ tài sản, công nợ và các giao dịch với các bên bị chi phối bởi cùng một chủ thể thì cũng được coi là quan hệ và giao dịch với các bên liên quan. Chủ thể chi phối có thể là đơn vị kinh tế hoặc cá nhân nhà đầu tư, nhà quản lý.

3.14 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo đơn vị kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác. Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Nam có các bộ phận quản lý theo đơn vị kinh doanh.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2017
	<u>VND</u>
- Tiền mặt	6.379.611.013
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	356.599.389
- Các khoản tương đương tiền (*)	16.496.400.000
	<u><u>23.232.610.402</u></u>

(*) Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 03 tháng.

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2017	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ngắn hạn	132.122.917.373	-
- Công ty Cổ phần Sản xuất Thép Vina	34.255.481.528	-
- Công ty Cổ phần Quốc Tế Đông Á	58.970.400.394	-
- INOX STAINLESS	10.980.004.854	-
- Phải thu khách hàng khác	27.917.030.597	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

6. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	20.172.089.663	-
<i>Phải thu về cho vay ngắn hạn</i>	<i>17.355.084.639</i>	-
- Ông Hoàng Mạnh Hùng (1)	12.047.545.110	-
- Bà Trịnh Thị Hải Yến (2)	5.307.539.529	-
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>	<i>2.817.005.024</i>	-
- Tạm ứng cho cá nhân	1.874.773.618	-
- Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi tiết kiệm, lãi cho vay, hợp đồng hợp tác đầu tư	682.127.543	-
- Phải thu ngắn hạn khác	260.103.863	-

- (1) Theo hợp đồng vay số 01072017/HĐV ngày 01/07/2017 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Nam và ông Hoàng Mạnh Hùng, thời hạn vay 01 năm kể từ ngày hai bên ký hợp đồng, lãi suất 15%/năm. Tài sản đảm bảo khoản cho vay là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE722381, thửa đất số 154, tờ bản đồ số 78, địa chỉ Lô 15, đường Vũ Ngọc Nhạ, khu phức hợp đô thị, thương mại dịch vụ cao tầng và căn hộ đầu tuyến Sơn Trà - Điện Ngọc, phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, diện tích 285,9m2.
- (2) Theo hợp đồng vay số 10/250212 ngày 25/02/2012 và phụ lục hợp đồng số PL03/190515/HĐV - TNG ngày 01/07/2017, thời hạn vay đến ngày 31/12/2018, lãi suất 15%/năm. Tài sản đảm bảo khoản cho vay là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AD344627 vào sổ Cấp giấy chứng nhận số H0335 do UBND Huyện Từ Liêm cấp ngày 15/09/2005.

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Hàng hoá	182.979.785.151	-
	182.979.785.151	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH NAM

Tầng 3, tòa nhà FLC Land mark Tower, Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
- Mua trong năm	-	-	2.881.869.092	-	2.881.869.092
- Tăng do hợp nhất	2.902.136.867	187.500.000	10.569.915.080	713.772.805	14.373.324.752
31/12/2017	2.902.136.867	187.500.000	13.451.784.172	713.772.805	17.255.193.844
GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ					
- Khấu hao trong năm	193.475.794	-	1.150.494.018	-	1.343.969.812
- Tăng do hợp nhất	806.349.146	187.500.000	8.392.368.110	713.772.805	10.099.990.061
31/12/2017	999.824.940	187.500.000	9.542.862.128	713.772.805	11.443.959.873
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
31/12/2017	1.902.311.927	-	3.908.922.044	-	5.811.233.971

Tại ngày 31/12/2017:

- Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 5.692.551.521 đồng.
- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng để chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 3.886.172.043 đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Khoản mục	Nhãn hiệu hàng hóa VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá TSCĐ vô hình			
- Tăng do hợp nhất	49.100.000	297.920.440	347.020.440
31/12/2017	49.100.000	297.920.440	347.020.440
Giá trị hao mòn lũy kế			
- Khấu hao trong năm	4.091.675	45.000.000	49.091.675
- Tăng do hợp nhất	4.091.672	252.728.768	256.820.440
31/12/2017	8.183.347	297.728.768	305.912.115
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình			
31/12/2017	40.916.653	191.672	41.108.325

10. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Tại ngày 31/12/2017, bất động sản đầu tư của Công ty là giá trị quyền sử dụng đất đối với thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thửa đất số 19, tờ bản đồ số A1.1, chi tiết như sau:

- Thửa đất số 19, tờ bản đồ số A1.1
- Địa chỉ: Lô A1.1, đường Hoàng Sa, phường Mân Thái, quận Sơn Trà, Đà Nẵng
- Diện tích: 2.039 m²
- Thời hạn sử dụng: lâu dài

Mục đích sử dụng: Nằm giữ chờ tăng giá

Tại thời điểm 31/12/2017, giá trị hợp lý của lô đất không thấp hơn giá trị ghi sổ.

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2017
	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.593.458.616
Đầu tư lắp đặt phần mềm ERP	878.064.980
Chi phí khảo sát dự án Codotel	715.393.636
	1.593.458.616

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2017		
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-
- Ngắn hạn	-	-	-
- Dài hạn	6.000.000.000	-	6.000.000.000
+ Tiền gửi có kỳ hạn (*)	6.000.000.000	-	6.000.000.000

(*): Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 1 năm.

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	53.274.477.060	53.274.477.060
- Công ty Cổ phần China Steel Sumikin Việt Nam	6.517.427.180	6.517.427.180
- GLOBAL STEEL CO., LTD	42.400.829.564	42.400.829.564
- Các đối tượng khác	4.356.220.316	4.356.220.316

14. PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP KHÁC

	31/12/2017 VND
Ngắn hạn	6.602.643.747
- Kinh phí công đoàn	35.799.674
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.566.844.073
+ <i>Phải trả cổ tức</i>	6.300.000.000
+ <i>Các khoản phải trả, phải nộp khác</i>	266.844.073

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH NAM

Tầng 3, tòa nhà FLC Land mark Tower, Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/khấu trừ trong năm VND	Tăng do hợp nhất VND	31/12/2017 VND
Phải nộp	11.460.953.978	13.421.465.755	8.868.086.602	6.907.574.825
- Thuế giá trị gia tăng	84.105.594	949.357.542	885.545.810	20.293.862
- Thuế xuất, nhập khẩu	3.829.987.914	3.829.987.914	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.263.226.743	6.358.486.572	7.439.699.866	6.344.440.037
- Thuế thu nhập cá nhân			7.321.139	7.321.139
- Các loại thuế khác	2.283.633.727	2.283.633.727	-	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	535.519.787	535.519.787

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH NAM

Tầng 3, tòa nhà FLC Land mark Tower, Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Nội dung	31/12/2017		Trong năm		Giảm
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng do hợp nhất	Tăng	
Vay ngắn hạn	217.450.083.546	217.450.083.546	193.900.305.242	553.013.350.119	529.463.571.815
- Vay ngắn hạn VND Ngân hàng BIDV (1)	206.843.264.277	206.843.264.277	173.103.499.990	488.397.742.006	454.657.977.719
- Vay ngắn hạn VND: đối tượng khác (2)	10.345.206.279	10.345.206.279	5.247.910.000	24.918.706.279	19.821.410.000
+ Ông Nguyễn Hùng Cường (*)	4.295.206.279	4.295.206.279	-	8.618.706.279	4.323.500.000
+ Bà Phạm Thị Hạnh (**)	3.300.000.000	3.300.000.000	-	4.800.000.000	1.500.000.000
+ Bà Nguyễn Thị Hương (***)	1.250.000.000	1.250.000.000	-	10.000.000.000	8.750.000.000
+ Bà Phạm Thị Hoàng Ly (****)	1.500.000.000	1.500.000.000	-	1.500.000.000	-
+ Bà Kim Thúy Nga	-	-	4.997.910.000	-	4.997.910.000
+ Ông Nguyễn Văn Quân	-	-	250.000.000	-	250.000.000
- Vay ngắn hạn ngoại tệ BIDV (1)	261.612.990	261.612.990	15.548.895.252	39.696.901.834	54.984.184.096
Vay dài hạn	2.012.213.115	2.012.213.115	-	2.100.000.000	87.786.885
- Vay ngắn hạn VND Ngân hàng TP Bank - Chi nhánh Hoàn Kiếm (3)	2.012.213.115	2.012.213.115	-	2.100.000.000	87.786.885
	219.462.296.661	219.462.296.661	193.900.305.242	555.113.350.119	529.551.358.700

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH NAM

Tầng 3, tòa nhà FLC Land mark Tower, Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

16.

VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)

- (1) Khoản vay ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/1061128/HĐTĐHM ngày 09/08/2017. Hạn mức tín dụng thường xuyên với tối đa là 250 tỷ đồng đến ngày 31/12/2017 và 200 tỷ đồng đến ngày 01/01/2018 bao gồm cả VND và ngoại tệ quy đổi. Mục đích sử dụng: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ kế hoạch kinh doanh 2017-2018, thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng này, thời hạn cho vay/thời hạn bảo lãnh, thời hạn L/C, lãi suất, phí được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể, Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể, L/C được phát hành. Lãi suất được xác định trong từng khế ước cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ.

Tài sản bảo đảm bao gồm:

- + Các thỏa thuận về biện pháp bảo đảm được ghi nhận và thực hiện theo các Hợp đồng cầm cố, thế chấp/bảo lãnh/ký quỹ (gọi chung là Hợp đồng bảo đảm) được giao kết trước ngày, cùng ngày hoặc sau ngày của Hợp đồng này mà Điều khoản về Phạm vi bảo đảm của (các) Hợp đồng bảo đảm bao gồm Hợp đồng này.

- + Các biện pháp bảo đảm được ký kết giữa bên vay/bên bảo đảm với ngân hàng có phạm vi bảo đảm bao gồm hợp đồng tín dụng này.

- (2) Khoản vay ngắn hạn với các cá nhân, thời hạn vay 1 năm, lãi suất 0%, chi tiết như sau:

(*) Khoản vay của ông Nguyễn Hùng Cường theo hợp đồng vay số 03072017/HĐV-TNG ngày 03/07/2017, thời hạn vay 1 năm kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất vay 0%.

(**) Khoản vay của bà Phạm Thị Hạnh theo các hợp đồng vay như sau: hợp đồng vay số 20012017/HĐV - TGN ngày 20/01/2017 thời hạn vay 1 năm đến ngày 31/12/2018 và hợp đồng vay số 1805017/HĐV - TNG ngày 18/05/2017 thời hạn vay 1 năm kể từ ngày vay, lãi suất 0%/năm.

(***) Khoản vay của bà Nguyễn Thị Hương theo hợp đồng vay số 2401207/HĐV - TNG ngày 24/01/2017 thời hạn vay là 1 năm, lãi suất 0%/năm.

(****) Khoản vay của bà Phạm Hoàng Ly theo hợp đồng số 08022017/HĐV - TNG ngày 08/02/2017 thời hạn vay 1 năm, lãi suất 0%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH NAM

Tầng 3, tòa nhà FLC Land mark Tower, Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

16.

VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)

(3) Khoản vay ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hoàn Kiếm theo các hợp đồng cho vay số:

- Hợp đồng vay số 433/2017/HDDTD/NHN/01 ngày 03/10/2017 với số tiền giải ngân là 1,1 tỷ đồng. Mục đích vay thanh toán tiền mua xe theo hợp đồng bán hàng số 325/2017/HDBH – HN ký ngày 06/07/2017 giữa Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ ô tô Hàng Xanh tại Hà Nội và Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Nam, thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày 04/10/2017, lãi suất cho vay thả nổi. Tài sản bảo đảm Theo hợp đồng thế chấp tài sản (đối với động sản hình thành trong tương lai) số 433/2017/HDBD-NHN/01 ngày 03/10/2017. Tài sản bảo đảm theo Hợp đồng là các tài sản cùng các quyền và lợi ích phát sinh từ tài sản hiện tại, tương lai thuộc quyền sở hữu, sử dụng, quản lý của Bên Bảo Đảm cho dù có hình thành từ vốn vay của TPBank hay không, bao gồm: Xe ô tô Merced ES-Bens màu đỏ, số khung RLMWF4CX7HV003602, số máy 27492030991492 với giá trị đảm bảo tại thời điểm thế chấp là: 1.415.000.000 đồng.
- Hợp đồng vay số 433/2017/HDDTD/NHN/02 ngày 14/11/2017 với số giải ngân là 1 tỷ đồng. Mục đích vay thanh toán tiền mua xe theo Hợp đồng mua bán xe ô tô số TMV – TMD-FV-723 ngày 01/11/2017 giữa Công ty TNHH MTV Toyota Mỹ Đình và Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Nam, thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày đầu tiên giải ngân, lãi suất cho vay thả nổi. Tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp tài sản (áp dụng đối với Động sản hình thành trong tương lai) số 433/2017/HDBD/NHN/02 ngày 14/11/2017. Tài sản bảo đảm theo Hợp đồng là các tài sản cùng các quyền và lợi ích phát sinh từ tài sản hiện tại, tương lai thuộc quyền sở hữu, sử dụng, quản lý của Bên Bảo đảm cho dù có hình thành từ vốn vay của TPBank hay không, bao gồm: Toyota Fortuner màu bạc, số khung MHFHX3FS6H0301493, số máy A3317182TR với giá trị đảm bảo tại thời điểm thế chấp là: 1.293.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH NAM

Tầng 3, tòa nhà FLC Land mark Tower, Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**17.1 BẢNG BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư	Thặng dư vốn	Quỹ đầu tư	Lợi nhuận	Tổng cộng
	của chủ sở hữu	cổ phần	phát triển	sau thuế	
	VND	VND	VND	chưa phân phối	VND
- Tăng vốn trong năm nay	10.000.000.000	-	-	(10.000.000.000)	-
- Lãi tăng trong năm nay	-	-	-	17.821.395.853	17.821.395.853
- Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	1.393.427.931	(9.314.855.862)	(7.921.427.931)
- Tăng do hợp nhất	200.000.000.000	4.000.000.000	-	29.069.803.408	233.069.803.408
31/12/2017	210.000.000.000	4.000.000.000	1.393.427.931	27.576.343.399	242.969.771.330

(*) Phân phối lợi nhuận năm 2016 theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/06/2017 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

17.2. CỔ PHIẾU

	31/12/2017
	<u>CP</u>
- Số lượng cổ phiếu được đã đăng ký phát hành	21.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	21.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	21.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	21.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000

18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2017
	<u>VND</u>
Doanh thu	1.047.390.647.124
+ Doanh thu bán hàng	1.047.379.647.124
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	11.000.000
Doanh thu với các bên liên quan	295.018.108.649
+ Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh	295.018.108.649

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2017
	<u>VND</u>
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	999.348.003.418
	<u>999.348.003.418</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2017 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.666.847.848
- Lãi hợp đồng hợp tác đầu tư	1.229.797.955
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	621.222.123
	<u>8.517.867.926</u>

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2017 VND
- Chi phí lãi vay	18.027.252.792
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	215.033.071
- Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	9.580.138
	<u>18.251.866.001</u>

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG/CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2017 VND
<i>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	9.966.964.574
- Nhân viên quản lý	4.249.494.308
- Dụng cụ đồ dùng văn phòng	1.356.197.085
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.937.205.498
- Thuế, phí, lệ phí	7.492.311
- Chi phí quản lý khác	424.067.683
<i>Các khoản chi phí bán hàng</i>	965.299.640
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	955.117.822
- Chi phí bán hàng khác	10.181.818

23. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2017 VND
Các khoản khác	717.120.647
	<u>717.120.647</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

24. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2017
	VND
Các khoản bị phạt	2.661.714.338
Các khoản chi phí khác	630.072
	<u>2.662.344.410</u>

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2017
	VND
Lợi nhuận/Lỗ kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	17.821.395.853
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	17.821.395.853
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	21.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>849</u>

26. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2017
	VND
Lợi nhuận/Lỗ kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	17.821.395.853
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	17.821.395.853
Tổng số lượng cổ phiếu	22.050.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	21.000.000
Cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm (*)	1.050.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	<u>808</u>

(*) Theo Nghị quyết số 01/2017/NQ/ĐHĐCĐ-TN ngày 28/06/2017 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 đã thông qua việc chi trả cổ tức bằng cổ phần cho cổ đông và ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện phương án trả cổ tức bằng cổ phiếu 5% Vốn điều lệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lí rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ đã trình bày tại Bảng cân đối kế toán, phần vốn thuộc sở hữu của cổ đông Công ty bao gồm vốn góp, quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu được trình bày tại Thuyết minh số 3.12.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ 31/12/2017 VND
Tài sản tài chính	
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.232.610.402
Phải thu khách hàng và phải thu khác	152.295.007.036
Đầu tư dài hạn	6.000.000.000
Tổng cộng	181.527.617.438
Công nợ tài chính	
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	219.462.296.661
Phải trả người bán và phải trả khác	59.841.321.133
Tổng cộng	279.303.617.794

Tại ngày 31/12/2017, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính do Thông tư 210 cũng như các qui định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc này. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế.

Quản lí rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và vận hành các chính sách nhằm kiểm soát rủi ro (phát hiện, ngăn ngừa và hạn chế ảnh hưởng của các rủi ro).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa và rủi ro về giá khác như giá cổ phần. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty chưa thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi vay vốn với lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Công ty quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hóa nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch kinh doanh và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư ngắn hạn cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư cổ phiếu.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các khoản nợ phải trả tài chính theo thời hạn thanh toán. Số liệu trình bày trên cơ sở dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà tập đoàn phải trả, bao gồm các khoản gốc và tiền lãi (nếu có).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
31/12/2017			
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	217.450.083.546	2.012.213.115	219.462.296.661
Phải trả người bán và phải trả khác	59.841.321.133	-	59.841.321.133
	277.291.404.679	2.012.213.115	279.303.617.794

Bảng dưới đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính chưa gồm lãi từ các tài sản đó. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
31/12/2017			
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.232.610.402	-	23.232.610.402
Phải thu khách hàng và phải thu khác	152.295.007.036	-	152.295.007.036
Đầu tư dài hạn		6.000.000.000	6.000.000.000
	175.527.617.438	6.000.000.000	181.527.617.438

Ban Giám đốc đánh giá mức độ tập trung rủi ro thanh khoản ở mức bình thường. Mặc dù dòng tiền từ hoạt động kinh doanh trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 âm nhưng Ban Giám đốc tin tưởng và đánh giá rằng trạng thái âm này sẽ được bù đắp từ dòng tiền đầu tư và tài chính phù hợp với kế hoạch kinh doanh của Công ty. Do vậy, Ban Giám đốc Công ty tin tưởng có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn và khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty quản lý rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn và các công cụ tài chính khác. Các khoản tiền gửi ngân hàng được quản lý tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Đối với các khoản đầu tư, Công ty lựa chọn đầu tư vào các chứng khoán có tính thanh khoản và với các đối tác có độ tín nhiệm cao. Đối với các khoản phải thu, Ban Giám đốc thiết lập chính sách tín dụng cụ thể thông qua việc phân tích tín nhiệm với các khách hàng để xác định các điều khoản thanh toán trong hợp đồng. Công ty đánh giá rủi ro tín dụng là thấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

28. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Chỉ tiêu	Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Nam VND	Công ty TNHH MTV XNK nông sản Đông Xuân VND	Bù trừ/ hợp nhất VND	Tổng cộng VND
Năm 2017				
1 Doanh thu thuần	1.025.066.187.066	19.977.925.000	-	1.045.044.112.066
Doanh thu giữa các bộ phận	-	-	-	-
2 Doanh thu thuần bán hàng ra bên ngoài	1.025.066.187.066	19.977.925.000	-	1.045.044.112.066
3 Giá vốn bán hàng	979.416.449.418	19.931.554.000	-	999.348.003.418
4 Lợi nhuận gộp	45.649.737.648	46.371.000	-	45.696.108.648
Khấu hao trong năm	1.393.061.487	-	-	1.393.061.487
Phân bổ trong năm	111.316.875	-	-	111.316.875
5 Khấu hao và phân bổ	1.504.378.362	-	-	1.504.378.362
6 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	25.038.657.916	-18.811.557	10.000.000	25.029.846.359
Tại ngày 31/12/2017				
Tài sản bộ phận	533.868.569.765	42.851.630	-	533.911.421.395
7 Tổng tài sản	533.868.569.765	42.851.630	-	533.911.421.395
Nợ phải trả bộ phận	290.890.159.505	51.490.560	-	290.941.650.065
8 Tổng nợ phải trả	290.890.159.505	51.490.560	-	290.941.650.065

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

29. THÔNG TIN KHÁC

29.1 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<u>31/12/2017</u> VND
<i>Ngoại tệ các loại</i>	
- USD	17,07
- EUR	66,93

29.2 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Mối quan hệ của Công ty với các bên liên quan trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 như sau:

STT Bên liên quan	Mối quan hệ
1 Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh	Người liên quan Chủ tịch Hội đồng Quản trị
2 Ông Nguyễn Hùng Cường	Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Giao dịch với các bên liên quan

	<u>Năm 2017</u> VND
Doanh thu với các bên liên quan	295.018.108.649
- Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh	295.018.108.649
Mua hàng từ các bên liên quan	139.026.204.130
- Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh	139.026.204.130
Thanh toán khoản vay	4.323.500.000
- Ông Nguyễn Hùng Cường	4.323.500.000
Thu tiền vay	8.618.706.279
- Ông Nguyễn Hùng Cường	8.618.706.279
Lương, thưởng	372.768.940
- Ban Giám đốc	372.768.940

Số dư với các bên liên quan

	<u>31/12/2017</u> VND
Các khoản vay	4.295.206.279
- Ông Nguyễn Hùng Cường	4.295.206.279

30. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ngày 06/03/2018, Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Nam đã hoàn thành kết quả chào bán 31.500.000 cổ phiếu ra công chúng theo Báo cáo số 0603/2018/BCCB - TNI Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng. Theo Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu này, tổng số cổ phiếu đã phân phối 31.500.000 cổ phiếu, tổng số tiền thu từ việc bán cổ phiếu là 315.000.000.000 đồng. Ngày 27/03/2018, Công ty đã hoàn thành việc phát hành thêm 31.500.000 cổ phiếu ra công chúng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

31. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng: không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể qui mô hoạt động của mình.

32. THÔNG TIN SO SÁNH

Năm 2017 là năm đầu tiên Công ty góp vốn thành lập Công ty con - Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Nông sản Đông Xuân nên không có số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2018



Nguyễn Hùng Cường

Kế toán trưởng

Hà Thị Hải Vân

Người lập biểu

Nguyễn Thị Nghĩa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

29. THÔNG TIN KHÁC

29.1 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2017
	<u>VND</u>
<i>Ngoại tệ các loại</i>	
- USD	
- EUR	17,07
	66,93

29.2 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Mối quan hệ của Công ty với các bên liên quan trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 như sau:

STT Bên liên quan

- 1 Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh
- 2 Ông Nguyễn Hùng Cường

Mối quan hệ

Người liên quan Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2017
	<u>VND</u>
Doanh thu với các bên liên quan	295.018.108.649
- Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh	295.018.108.649
Mua hàng từ các bên liên quan	139.026.204.130
- Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh	139.026.204.130
Thanh toán khoản vay	4.323.500.000
- Ông Nguyễn Hùng Cường	4.323.500.000
Thu tiền vay	8.618.706.279
- Ông Nguyễn Hùng Cường	8.618.706.279
Lương, thưởng	372.768.940
- Ban Giám đốc	372.768.940

Số dư với các bên liên quan

	31/12/2017
	<u>VND</u>
Các khoản vay	4.295.206.279
- Ông Nguyễn Hùng Cường	4.295.206.279

30. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ngày 06/03/2018, Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Nam đã hoàn thành kết quả chào bán 31.500.000 cổ phiếu ra công chúng theo Báo cáo số 0603/2018/BCCB - TNI Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng. Theo Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu này, tổng số cổ phiếu đã phân phối 31.500.000 cổ phiếu, tổng số tiền thu từ việc bán cổ phiếu là 315.000.000.000 đồng. Ngày 27/03/2018, Công ty đã hoàn thành việc phát hành thêm 31.500.000 cổ phiếu ra công chúng.